

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- **T** phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thiện Khiêm;

Ông Nguyễn Hòa Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông A Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Tấn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã X, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* chị Đỗ Như D, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã X, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-9-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Lê Tấn T trình bày: Anh T và chị Đỗ Như D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Bến Cầu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 17 ngày 13-02-2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì anh T đi hợp tác lao động tại Đài Loan trong thời hạn 03 năm, chị D ở nhà làm công nhân. Tuy nhiên, đến tháng

12-2018 chị D bỏ nhà đi, không chăm sóc con cái và thỉnh thoảng mới về nhà thăm con một lần. Do đó, nên đầu năm 2019, anh T trở về nhà để tìm hiểu nguyên nhân thì được biết chị D có tình cảm với người khác, anh T có khuyên can để hàn gắn nhưng chị D không đồng ý và ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Như D.

Về con chung: Anh T và chị D có hai con chung tên Lê Trí A, sinh ngày 14-9-2010 và Lê Như B, sinh ngày 28-10-2015; hiện hai cháu đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu B, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Đỗ Như D đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị D. Giao hai con chung tên Lê Trí A, sinh ngày 14-9-2010 và Lê Như B, sinh ngày 28-10-2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị D không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Tấn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết ly hôn với chị Đỗ Như D, chị D có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị D đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng chị D vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D. Chị D phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Tấn T và chị Đỗ Như D kết hôn vào năm 2014 và được UBND xã X, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 17 ngày 13-02-2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T cho rằng chị D có tình cảm với người khác nên vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 12-2018 đến nay. Lời trình bày của anh T phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được do đó có cơ sở giữa anh T và chị D có xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải nhưng chị D không đến cho thấy chị D không có thiện chí hòa giải, hàn gắn vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị D là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị D có hai con chung tên Lê Trí A, sinh ngày 14-9-2010 và Lê Như B, sinh ngày 28-10-2015, hiện đang sống với anh T. Xét thấy, từ ngày anh T và chị D ly thân thì anh T là người trực tiếp chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần và cháu A có nguyện vọng sống với anh T. Do đó, cần tiếp tục giao cháu A, cháu B cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Tấn T đối với chị Đỗ Như D. Anh T được ly hôn với chị D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Trí A, sinh ngày 14-9-2010 và Lê Như B, sinh ngày 28-10-2015 cho anh Lê Tấn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Đỗ Như D cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Tấn T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Lê Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0022166** ngày 16-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Đỗ Như D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Tấn T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Như D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã X (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu